

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2021

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Huy Viễn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Linh.

2. Ông Trần Ngọc Chuyên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tình – thư ký
Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bé Thị E, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Làng H, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Văn V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Làng H, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Bé Thị E trình bày: Tôi và anh Triệu Văn V qua quá trình tìm hiểu đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010. Đến ngày 02/7/2015 chúng tôi đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Việc chung sống và kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau và bất đồng về quan điểm và lối sống. Nguyên nhân là do anh V không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình, hay rượu chè và về nhà hay đánh đập, xúc phạm tôi. Nhiều lần chúng tôi đã ngồi lại với nhau để nói chuyện để vợ chồng có thể hòa hợp và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh V vẫn không chịu thay đổi mà ngày càng bê tha rượu chè không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình. Do không thể chịu đựng được tính cách của anh V nên tôi đã đem hai con bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ cuối năm 2019 đến nay và cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Nay tôi thấy không còn tình cảm gì với anh V nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Triệu Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Triệu Quốc B, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thị Tuyết L, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay các con đều đang ở với tôi tại làng H, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là muốn được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Triệu Quốc B và Triệu Thị Tuyết L và không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do tôi xin được nuôi con và không yêu cầu anh Vương phải cấp dưỡng nuôi con là vì lâu nay anh V không có trách nhiệm gì với các con, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không chịu làm ăn để có thu nhập lo cho con. Tôi cam đoan sẽ đảm bảo chăm sóc đầy đủ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần trong quá trình nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai ngày 16/12/2020 anh V trình bày: Tôi và chị Bé Thị E sau quá trình tìm hiểu đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 và đến ngày 02/7/2015 đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau và bất đồng về quan điểm và lối sống nhưng tôi vẫn còn tình cảm với chị E nên nguyện vọng của tôi là mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng quay lại với nhau để cùng nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là các cháu Triệu Quốc B, sinh ngày 10/9/2011 và Triệu Thị Tuyết L, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay các con đang ở với chị E tại làng H, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn nguyện vọng của chị E là muốn được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu tôi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì tôi cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bé Thị E và cho chị E được ly hôn với anh Triệu Văn V.

- Về con chung: Giao các cháu Triệu Quốc B, sinh ngày 10/9/2011 và Triệu Thị Tuyết L, sinh ngày 26/11/2012 cho chị E nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, chị E không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Bé Thị E khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn V và yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Triệu Văn V có nơi cư trú tại làng H, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn là anh Triệu Văn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn là chị Bé Thị E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị nên căn cứ quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị E theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị E và anh Triệu Văn V đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 và đến ngày 02/7/2015 đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân theo chị E là do sự bất đồng về quan điểm và lối sống, anh V ham mê rượu chè, bỏ bê gia đình vợ con và khi bị chị E phản ứng thì anh V chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 đến nay không còn ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chính vì vậy, chị E đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V cho rằng mình vẫn còn tình cảm với chị E nên đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị quay trở lại đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến để hòa giải nhưng anh V không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều đó chứng tỏ anh V không có thiện chí duy trì hôn nhân với chị E và anh V phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị E và anh V nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh chị chưa thực sự hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Đây cũng là lý do làm cho cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được. Thực chất anh chị cũng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 đến nay.

Việc mâu thuẫn xảy ra dẫn đến việc chị E xin ly hôn phù hợp với kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tại chính quyền địa phương.

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị E và anh V đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị E và cho chị E được ly hôn với anh V là phù hợp.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Bé Thị E và anh Triệu Văn V có 02 con chung là các cháu Triệu Quốc B, sinh ngày 10/9/2011 và Triệu Thị Tuyết L, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay cả hai cháu B và L đều đang do chị E nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị E có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các cháu B và L mà theo chị lý do là lâu nay anh V không có trách nhiệm gì với con cái, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn nên không thể đảm bảo chăm sóc đầy đủ cho con được.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị E, thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào khả năng và trách nhiệm của cha và mẹ để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bản thân các cháu B và L đều còn nhỏ nên hai cháu cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác, hiện nay cả hai cháu đều do chị E nuôi dưỡng và việc nuôi dưỡng đó đảm bảo được sự phát triển bình thường của các cháu. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cả hai cháu B và L đều có ý kiến là xin được ở với mẹ vì mẹ yêu thương và chăm sóc các cháu nhiều hơn. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi của các cháu về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của chị E và giao cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con vì theo chị là lâu nay anh V không có trách nhiệm gì với các con, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không chịu làm ăn để có thu nhập lo cho con. Chị cam đoan sẽ đảm bảo chăm sóc đầy đủ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Xét đây là sự tự nguyện của chị E nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con, sau này nếu chị E có yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con thì chị có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Bé Thị E phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; các Điều 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị E và cho chị Eng được ly hôn với anh Triệu Văn V.

2. Về con chung: Giao các cháu Triệu Quốc B, sinh ngày 10/9/2011 và Triệu Thị Tuyết L, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Bé Thị E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Bé Thị E không yêu cầu anh Triệu Văn V phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Bé Thị E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị E đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009711 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; chị E đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn